TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2024/DS-ST
Ngày: 06/6/2024
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Chung Kim Sang

- Bà Đoàn Thị Liễu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 42/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 02 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần N**

Địa chỉ trụ sở chính: số 201-203, đường C, phường 4, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lư Quốc B, chức vụ: Trưởng bộ phận kinh doanh Ngân hàng thương mại cổ phần N chi nhánh Kiên Giang, phòng giao dịch Tân Hiệp (có mặt).

Đại diện theo giấy ủy quyền số 18/2024/UQ-NHNA-T.HIEP, ngày 06/6/2024.

Địa chỉ chi nhánh: số 23, khu phố Đ, thị trấn T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Lô C19-45, đường M, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lư Quốc B trình bày:

Ngày 31/12/2021 Ngân hàng TMCP N và bà Nguyễn Thị P đã giao kết hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV, để cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị P với số tiền 500.000.000 đồng.

Ngày 05/01/2022 Ngân hàng và bà Nguyễn Thị P đã giao kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng số 0003/2022/615CV, để cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị P với số tiền 30.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp bao gồm: quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1275, tờ bản đò số 26, tại địa chỉ khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Kiên, tỉnh Kiên Giang; diện tích 919m^2.

Tính đến nay khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng TMCP N đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị P trả số nợ trên nhưng cho đến nay vẫn không trả được nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/6/2024 là 660.625.206 đồng, (trong đó gốc 500.000.000 đồng; lãi 123.581.955 đồng; thẻ tín dụng gốc là 26.096.316 đồng; lãi thẻ tín dụng là 10.946.935 đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 07/6/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trên các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu chị Nguyễn Thị P không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị P: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa, chị P vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt chị P. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là

chị Nguyễn Thị P vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thẻ đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N và chị Nguyễn Thị P đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021, theo đó Ngân hàng cho chị P vay số tiền gốc 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hình thức trả nợ: trả lãi vay vào ngày 25, định kỳ 03 tháng/lần; gốc trả một lần vào ngày 13/11/2023, lãi suất trong hạn 15%/năm; mục đích vay là bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Đến ngày 05/01/2022 Ngân hàng và bà Nguyễn Thị P đã giao kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0003/2022/615-CV, Ngân hàng đã cấp hạn mức thẻ tín dụng cho bà Nguyễn Thị P với số tiền 30.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng chị P trả cho Ngân hàng được số tiền lãi là 21.250.499 đồng. Phía chị P cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện, như vậy chị P đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 là 500.000.000 đồng; lãi là 123.581.955 đồng; nợ gốc của giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0003/2022/615-CV là 26.096.316 đồng; lãi là 10.946.935 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 660.625.206 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần N là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng số 0003/2022/615-CV, ngày 05/01/2022 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần N với chị Nguyễn Thị P được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu

trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 0127/2021/615-TD-BĐ ngày 31/12/2021.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 0127/2021/615-TD-BĐ ngày 31/12/2021 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 31/12/2021. Căn cứ quy định tại Điều 317; Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015 thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu chị Nguyễn Thị P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0127/2021/615-TD-BĐ ngày 31/12/2021 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày 06/6/2024 là 660.625.206 đồng (trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 là 500.000.000 đồng; lãi 123.581.955 đồng; nợ gốc của giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng số 0003/2022/615-CV, ngày 05/01/2022 là 26.096.316 đồng; lãi là 10.946.935 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng số 0003/2022/615-CV ngày 05/01/2022 kể từ ngày 07/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 660.625.206 đồng là: [20.000.000 đồng + (4% x 260.625.206 đồng)] = 30.425.000 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.466.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 317, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P.

Buộc chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 06/6/2024 là 660.625.206 đồng (trong đó nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 là 500.000.000 đồng; lãi 123.581.955 đồng; nợ gốc của giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng số 0003/2022/615-CV, ngày 05/01/2022 là 26.096.316 đồng; lãi là 10.946.935 đồng).

Chị Nguyễn Thị P còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0127/2021/615-TD-CV ngày 31/12/2021 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng số 0003/2022/615-CV ngày 05/01/2022 kể từ ngày 07/6/2024 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu chị Nguyễn Thị P không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1275, tờ bản đồ số 26, tại địa chỉ khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang; diện tích 919m^2; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất số DD 079974, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/12/2021 do chị Nguyễn Thị P đứng tên.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 31/12/2021.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liến với đất DD 079974 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 29/12/2021 do chị Nguyễn Thị P đứng tên.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 30.425.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.466.000 đồng, theo biên lai thu số 0006002 ngày 18/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/6/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

*** Nơi nhận:**
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND Tp. Rạch Giá;*
- *Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*